

Bản án số: 206/2023/HC-PT

Ngày 28/6/2023.

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Kim Liên

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tào

ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: ông Quách Hoà Bình, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 77/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 21/2023/HC-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2331/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn A xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn D, xã E, Tp ., tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Hồ Hữu Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: TDP A, phường T, TP ., tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: bà Trần Thị S, sinh năm 1960; địa chỉ: số C N, phường T, Tp ., tỉnh Đắk Lắk (văn bản uỷ quyền ngày 21/10/2022 và ngày 28/10/2022). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Lê Đại T1 - Phó Chủ tịch U (văn bản uỷ quyền số 144/GUQ-UBND ngày 27/10/2022). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Võ Quang H1, sinh năm 1964, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm P. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: người bị kiện U, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/8/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, những người khởi kiện gồm: ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Bích T, ông Hồ Hữu Đ, đại diện theo uỷ quyền của những người khởi kiện bà Trần Thị S trình bày:

Năm 2009, hộ ông Nguyễn Tấn L có ký Hợp đồng liên kết nhận khoán số 399/Đ3/HĐKT ngày 20/11/2009 với Công ty C nhận liên kết trồng sản xuất cà phê trên diện tích đất: 4.600m² tại thửa đất số 67, tờ bản đồ 67, thời hạn hợp đồng từ năm 2009 đến năm 2020.

Năm 2005, hộ bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Tấn H ký Hợp đồng nhận khoán số: 203/Đ3/HĐKT ngày 15/4/2005 nhận liên kết cà phê với Công ty C có diện tích đất: 4.818,5m² tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 67, thời hạn hợp đồng từ năm 2005 đến năm 2020.

Năm 2009, hộ ông Hồ Hữu Đ có Hợp đồng nhận khoán số: 15/Đ3/HĐKT ngày 29/6/2009 nhận liên kết cà phê với Công ty C có diện tích đất: 4.410m² tại thửa đất số 67, tờ bản đồ 67, thời hạn hợp đồng từ năm 2009 đến năm 2020.

Ngày 27/12/2019, U ban hành Quyết định số: 9954/QĐ-UBND “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định canh định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, Tp .”. Theo đó, các hộ gia đình ông L, ông H-bà T và hộ ông Đ chỉ được bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng, vật kiên trúc. Không đồng ý với Quyết định số 9954/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của U, hộ ông L, ông H-bà T và hộ ông Đ đã làm đơn khiếu nại đến U.

Ngày 11/12/2020, U đã ban hành các Quyết định số: 8491/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Tấn L, Quyết định số 8489/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Tấn H; Quyết định số 8490/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Hồ Hữu Đ. Tại Điều 2 các Quyết định số: 8489/QĐ-UBND, 8490/QĐ-UBND, 8491/QĐ-UBND đã nêu: “Giao Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố: xây dựng phương án bổ sung chi phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất đối với gia đình ông Nguyễn Tấn H, gia đình ông Nguyễn Tấn L và gia đình ông Hồ Hữu Đ theo quy định”.

Ngày 27/07/2022, Ủy ban hành Quyết định số 6851/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T. Theo đó, Ủy ban hành Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Quyết định số: 43/2014-QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số: 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (đã được thay thế tại Quyết định số: 14/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk).

1/ Các hộ gia đình ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H - bà Nguyễn Thị Bích T và hộ ông Hồ Hữu Đ bị thu hồi đất là hộ gia đình, cá nhân đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp, gia đình có 05 nhân khẩu, không có nhân khẩu nào thuộc đối tượng đang hưởng lương, trợ cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 83 Luật Đất đai 2013; khoản 1, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; điểm 1, khoản 6, Điều 4 Nghị định số 01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điều 4 Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24/07/2017 của UBND tỉnh Đ về sửa đổi bổ sung bảng giá các loại đất, quy định áp dụng đối với bảng giá các loại đất; quy định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào quy định trên thì các hộ gia đình ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H - bà Nguyễn Thị Bích T và hộ ông Hồ Hữu Đ được xem xét, giải quyết về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; mức hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Việc Ủy ban hành Quyết định số 6851/QĐ-UBND ngày 27/7/2022, áp dụng Bảng giá đất trồng cây lâu năm để tính tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các hộ gia đình ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H – bà Nguyễn Thị Bích T và hộ ông Hồ Hữu Đ là 67.500đ/m² theo Quyết định số: 43/QĐ-UBND/2014 là chưa phù hợp theo quy định tại Bảng giá 03, đất trồng cây lâu năm, Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/07/2020 của UBND tỉnh Đ quy định vị trí 2 là: 90.000đ/m².

2/ Việc ra quyết định, thông báo và thanh toán tiền bồi thường chậm trả là do lỗi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ gia đình ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H – bà Nguyễn Thị Bích T và hộ ông Hồ Hữu Đ. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“ 1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả”.

Căn cứ quy định trên thì các hộ gia đình ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H – bà Nguyễn Thị Bích T và hộ ông Hồ Hữu Đ đủ điều kiện được Nhà nước chi trả số tiền lãi chậm trả cho số tiền bồi thường hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 9954 của U cho đến ngày 25/8/2022 (ngày nhận bồi thường) và số tiền về hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm chưa được chi trả theo Quyết định số 22/QĐ-UBND/2020 của UBND tỉnh Đ về ban hành bảng giá và quy định bảng giá đất các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố B của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024 nhưng chưa được chi trả.

Các vấn đề mà những người khởi kiện ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Tấn H, bà Trần Thị Bích T2, ông Hồ Hữu Đ yêu cầu Tòa án tỉnh Đắk Lắk giải quyết bao gồm:

1/ Hủy Quyết định số 6851/QĐ-UB ngày 27/7/2022 của U về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T đối với phần hỗ trợ của các hộ gia đình ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H – bà Nguyễn Thị Bích T và hộ ông Hồ Hữu Đ. Buộc U phải ban hành lại phương án bổ sung hỗ trợ trong đó áp dụng bảng giá quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ.

2/ Buộc U phải thanh toán thêm khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế của số tiền bồi thường hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các hộ ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H- bà Trần Thị Bích T2 và hộ ông Hồ Hữu Đ, trên số tiền chậm trả kể từ ngày phải chi trả theo Quyết định 9954/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của U là ngày 27/01/2020 cho tới ngày 25/8/2022 - ngày các hộ nhận tiền hỗ trợ của Quyết định 6581/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của U và trên số tiền các hộ được chi trả thêm khi U. Ban hành lại quyết định về việc phương án hỗ trợ được Tòa án chấp nhận trong vụ án này (tức là trừ đi số tiền các hộ đã nhận theo Quyết định 6581/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của U) từ ngày 27/01/2020 cho tới khi nhận đủ số tiền còn lại.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện U trình bày ý kiến như sau:

Căn cứ Quyết định 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 5.138.059m² đất tại các xã, phường: T, T, T, T, T và xã E thành phố B; trong đó giao diện tích 897.744,7m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm P1 quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m² đất còn lại cho U

quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 3396/QĐ-UBND ngày 15/06/2018 của U về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư phường T, Tp ..

Căn cứ Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh Đ về việc thu hồi 37.950,0m² đất tại phường T, Tp . do Trung tâm P1 quản lý; giao 37.950,0m² đất nêu trên cho U quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Ngày 29/5/2019, U ban hành Kế hoạch số 101/KH-UBND thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: xây dựng CSHT khu dân cư phường T, thành phố B (3,2ha).

Ngày 03/06/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với UBND, UBMTTQ phường T, tổ dân phố H, Ban Q và các hộ dân có hợp đồng nhận khoán với Công ty TNHH MTV C tiến hành họp thông qua chủ trương, chính sách và triển khai nội dung liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 27/12/2019, U ban hành Quyết định số 9954/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, Tp .. Ngày 27/7/2022, U ban hành Quyết định số 6851/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, Tp . (3,2ha).

2. Đối với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H và Hồ Hữu Đ, U có ý kiến như sau:

a. Về nguồn gốc đất:

Đất của ông Nguyễn Tấn L liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV C theo Hợp đồng số 399/Đ3/HĐ ngày 20/11/2009 với diện tích là 4.600m² đất trồng cà phê (diện tích đo đạc thực tế là 4.587,6m²), thời hạn hợp đồng từ ngày 20/11/2009 đến 31/12/2020.

- Đất của bà Nguyễn Thị Bích T - Nguyễn Tấn H liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV C theo Hợp đồng số 203/Đ3/HĐ ngày 15/04/2005 với diện tích là 4.600m² đất trồng cà phê (diện tích đo đạc thực tế là 4.818,5m²), thời hạn hợp đồng từ ngày 15/04/2005 đến 31/12/2020.

- Đất của ông Hồ Hữu Đ liên kết sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV C theo Hợp đồng số 15-Đ3/2015/HĐ ngày 29/6/2009 với diện tích là 4.410m² đất trồng cà phê (diện tích đo đạc thực tế là 4.397,6m²), thời hạn hợp đồng từ ngày 29/6/2009 đến 31/12/2020.

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND v/v thu hồi 5.138.059,7m² tại các phường: T, T, T, T, T, T và xã E, thành phố B của Công ty TNHH MTV C; giao diện tích 4.240.315m² cho U quản lý, lập phương án sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật (tại địa bàn phường T với diện tích đất là: 280.808m²).

Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 “Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: đất được Nhà nước giao để quản lý”. Như vậy, diện tích đất thu hồi của ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H và Hồ Hữu Đ đang sử dụng là đất Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV C quản lý, nay Nhà nước thu hồi đất thì không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ về đất.

b. Về chính sách hỗ trợ:

Thực hiện các Quyết định số 8489/QĐ-UBND, 8490/QĐ-UBND, 8491/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của U về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Tấn H, Hồ Hữu Đ, Nguyễn Tấn L. Ngày 27/7/2022, U ban hành Quyết định số 6851/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, Tp . (3,2ha) với tổng kinh phí là 1.982.624.000đồng. Trong đó:

- Hộ ông Hồ Hữu Đ đã được phê duyệt hỗ trợ số tiền: 620.426.000đồng;
- Hộ ông Nguyễn Tấn L đã được phê duyệt hỗ trợ số tiền: 646.076.000đồng;
- Hộ ông Nguyễn Tấn H đã được phê duyệt hỗ trợ số tiền: 677.247.500đồng.

Việc ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H và Hồ Hữu Đ cho rằng phải áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đơn giá theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 là không có cơ sở vì U ban hành Quyết định số 9954/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, Tp . (3,2ha). Sau đó, ngày 27/7/2022, U ban hành Quyết định số 6851/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, Tp . (3,2ha) (phê duyệt bổ sung cho Quyết định số 9954/QĐ-UBND ngày 27/12/2019, thời điểm đó vẫn áp dụng Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ). Do đó, việc U ban hành Quyết định số 6851/QĐ-UBND là đúng theo quy định.

Đối với việc ông Nguyễn Tấn L, Nguyễn Tấn H và Hồ Hữu Đ yêu cầu được tính lãi suất trả chậm tính từ ngày 04/1/2017 cho đến ngày nhận đầy đủ số tiền bồi thường là không có cơ sở vì Quyết định 07/QĐ-UBND được UBND tỉnh Đ ban hành ngày 04/01/2017 “thu hồi 5.138.059m² đất tại các xã, phường: T, T, T, T, T, T và xã E, Tp .”. Còn dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, Tp . (3,2ha) thì đến ngày 03/06/2019 mới tiến hành họp thông qua chủ trương, chính

sách và triển khai nội dung liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án.

Đối với nội dung của ông Hồ Hữu Đ về việc chưa được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất căn cứ theo khoản 4 Điều 5 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ là không có cơ sở vì ngày 13/02/2020 căn cứ Biên bản xác minh của cơ quan chuyên môn của U. Qua xác minh về điều kiện nhà ở, đất ở thì “năm 2007, ông Hồ Hữu Đ mua lại căn nhà số H D, phường T từ ông Nguyễn Tiến T3 - vợ Trần Thị L1 (mua bán bằng giấy viết tay). Đến năm 2012, ông Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại số H D, tổ dân phố A, phường T, Tp .”. Do đó, hộ ông Hồ Hữu Đ không đủ cơ sở để xem xét giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông L, ông H và ông Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 21/2023/HC-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 157, điểm a, b khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 69, điểm b khoản 2 Điều 83, Điều 83, khoản 1, khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T4; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện gồm ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Tấn H, bà Trần Thị Bích T2, ông Hồ Hữu Đ:

Hủy Quyết định số 6851/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 3,2ha) thành phố B, để ban hành lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện gồm: ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Tấn H, bà Trần Thị Bích T2, ông Hồ Hữu Đ về việc: UBND thành phố B phải thanh toán thêm khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế của số tiền bồi thường hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các hộ ông Nguyễn Tấn L, hộ ông Nguyễn Tấn H - bà Trần Thị Bích T2 và hộ ông Hồ Hữu Đ, trên số tiền chậm trả kể từ ngày phải chi trả theo quyết định 9954/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của U là từ ngày 27/01/2020 cho tới ngày 25/8/2022 và trên số tiền các hộ được chi trả thêm khi U ban hành lại quyết định (đã được Tòa án chấp nhận trong vụ án này) trừ đi số tiền các hộ đã nhận theo Quyết định 6581/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thành phố B, từ ngày 27/01/2020 cho tới khi nhận đủ số tiền còn lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/4/2023, người bị kiện U kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên Quyết định số 6851/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của U về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 3,2ha), Tp . vì Quyết định số 6851 phê duyệt bổ sung cho Quyết định số 9954 nên vẫn áp dụng Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ để tính giá đền bù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, tất cả người tham gia tố tụng gồm: người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Trần Thị S; người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Lê Đại T1 và người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của người bị kiện ông Võ Quang H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện U, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, tất cả người tham gia tố tụng gồm: người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Trần Thị S, người đại diện hợp pháp của người bị kiện ông Lê Đại T1 - Phó Chủ tịch U, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Võ Quang H1 - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất Tp . đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của U, tỉnh Đắk Lắk đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên Quyết định số 6851/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của U về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 3,2ha) Tp ., Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Ngày 27/12/2019, Ủy ban nhân dân T ban hành Quyết định số 9954/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, Tp . (3,2ha). Theo đó, U không xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho các hộ ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Bích T - ông Nguyễn Tấn H, ông Hồ Hữu Đ. Vì vậy, hộ ông L, bà T - ông H, ông Đ khiếu nại và đã được U chấp nhận khiếu nại.

[2.2] Ngày 27/7/2022, Ủy ban nhân dân T ban hành Quyết định số 6851/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 3,2ha), Tp .. Tại Quyết định này, U có hỗ trợ đào

tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho các hộ ông Đ, ông L, bà T - ông H; áp dụng mức giá đối với đất trồng cây lâu năm vị trí 2 là 67.500đ/m², theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ. Tuy nhiên, tại thời điểm ban hành Quyết định số 6851 thì Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ ban hành bảng giá và quy định Bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020 - 2024 đã có hiệu lực pháp luật, thay thế Quyết định số 43 nói trên. Vì vậy, việc Ủy ban hành Quyết định số 6851; trong đó áp dụng Bảng giá quy định tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ để hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các hộ ông Đ, ông L, bà T - ông H là không đúng quy định, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Ủy ban nhân dân T phải áp dụng Bảng giá quy định tại Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ theo đơn giá áp dụng cho người khởi kiện đối với đất trồng cây lâu năm vị trí 2 là 90.000đ/m² mới đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T - ông H, ông Đ, hủy Quyết định số 6851/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của U về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 3,2ha) Tp ., để ban hành lại theo đúng quy định của pháp luật, là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân T; chấp nhận quan điểm của đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên U phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

1. Bác kháng cáo của người bị kiện U và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 69; điểm b khoản 2 Điều 83; Điều 83; khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T4; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện gồm ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Tấn H, bà Trần Thị Bích T2, ông Hồ Hữu Đ:

Hủy Quyết định số 6851/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ

khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 3,2ha), thành phố B, để ban hành lại theo đúng quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện gồm: ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Tấn H, bà Trần Thị Bích T2, ông Hồ Hữu Đ về việc: Ủy ban nhân dân T phải thanh toán thêm khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế của số tiền bồi thường hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các hộ ông Nguyễn Tấn L, hộ ông Nguyễn Tấn H - bà Trần Thị Bích T2 và hộ ông Hồ Hữu Đ, trên số tiền chậm trả kể từ ngày phải chi trả theo Quyết định 9954/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của U là từ ngày 27/01/2020 đến ngày 25/8/2022 và trên số tiền các hộ được chi trả thêm khi U ban hành lại quyết định (đã được Tòa án chấp nhận trong vụ án này) trừ đi số tiền các hộ đã nhận theo Quyết định 6581/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của U, từ ngày 27/01/2020 đến khi nhận đủ số tiền còn lại.

2. Về án phí: Ủy ban nhân dân T phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001570 ngày 12/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Liên